

Kinh tế biển xanh

- Xu hướng quốc tế và bài học cho Việt Nam

NGUYỄN THỊ THANH HUỖN*

Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc về bảo tồn và sử dụng bền vững biển, đại dương và tài nguyên biển đã trở thành thước đo phát triển của các quốc gia. Trong bối cảnh đó, kinh tế biển xanh hiện đã được hầu hết các quốc gia công nhận là nền tảng cho phát triển bền vững kinh tế biển và dần được đưa vào yêu cầu bắt buộc trong chiến lược, chính sách phát triển. Bài viết này sẽ tập trung phân tích kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế biển xanh và rút ra bài học cho Việt Nam.

XU HƯỚNG VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ KINH TẾ BIỂN XANH

Năm 1982, các nước trên thế giới đã ký kết Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển, năm 1994 ra đời Luật Biển quốc tế để xác định mục tiêu phát triển nền kinh tế biển. Các quốc gia đều xác định rõ, nền kinh tế biển là một trong những mục tiêu chính để phát triển kinh tế. Sang thế kỷ 21, khái niệm “kinh tế biển” ngày càng trở nên thông dụng và phổ biến và được định nghĩa rõ ràng hơn. Nền kinh tế biển giải quyết và đảm bảo được sinh kế cho hàng triệu người trên toàn thế giới (Ngân hàng Thế giới, 2016), ngoài ra còn đảm bảo được tăng trưởng kinh tế bền vững. Đã có những quốc gia trên thế giới đã phát triển được nền kinh tế biển bền vững, tăng trưởng xanh, cụ thể như:

Trung Quốc

Trung Quốc tự tin tuyên bố là quốc gia dẫn đầu về kinh tế biển từ những năm 2011 khi giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp biển chính đã vượt qua Mỹ (Zhang và cộng sự, 2016). Năm 2012, Chính phủ và xã hội Trung Quốc đã nhận ra tầm quan trọng của tài nguyên và môi trường sinh thái, nên đã đưa ra một loạt chính sách nghiêm ngặt để bảo vệ chúng. Tuy nhiên, Chính phủ vẫn thúc đẩy Chiến lược xây dựng cường quốc hàng hải trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18 của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trung Quốc thể chế hóa kinh tế biển như một cơ chế chủ chốt trong việc quản trị biển quốc gia. Vào năm 2013, Chính phủ đã ban hành Kế hoạch kinh tế biển quốc gia 5 năm, nằm trong kế hoạch 5 năm quốc gia (2010-2015). Việc đưa kinh tế biển vào quy hoạch phát triển quốc gia đã làm bùng nổ phát triển nền tri thức kinh tế biển, khiến không gian biển có chủ quyền ngày càng rõ ràng và là không gian phát triển kinh tế (Choi, 2017). Theo đánh giá, nền kinh tế biển của Trung Quốc đã đạt được sự phát triển bền vững.

Indonesia

Được mệnh danh là “Xứ sở vạn đảo”, Indonesia rất coi trọng kinh tế biển, được thể hiện qua việc xây dựng các chính sách kinh tế toàn diện và bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực; hiện thực hóa phát triển bền vững bằng cách thúc đẩy các hệ thống sản xuất sạch và khuyến khích đầu tư sáng tạo và đổi mới. Những điểm nổi bật trong phát triển kinh tế biển ở Indonesia bao gồm: phát triển ngành đánh bắt hải sản, vận tải biển, du lịch, năng lượng và sản xuất vật chất dựa trên khái niệm nền kinh tế xanh; hoàn thiện và điều phối các chính sách quốc gia về kinh tế biển và đất liền; phát triển khu trình diễn kinh tế biển; tăng cường kết nối giữa thương mại và cơ sở hạ tầng; thúc đẩy sự phát triển của công nghệ và nguồn nhân lực. Ngoài ra, Indonesia cũng thiết lập các khu trình diễn kinh tế biển ở các đảo Lombok và Anamabs và vịnh Tomini để khám phá mô hình kinh tế biển đặc trưng với các ngành công nghiệp biển, đánh bắt, chăn nuôi, du lịch biển, tập thể đảo nhỏ, phát triển vùng và vịnh (Wenhai và cộng sự, 2019).

Philippines

Theo Recide (2015), Philippines là một quốc gia quần đảo với nhiều biển đảo và các mô hình kinh tế biển xanh được áp dụng cho các đảo. Sự đa dạng của môi trường tự nhiên và sự giàu có của nguồn vốn tự nhiên chính là xương sống cho sự phát triển biển đảo của Philippines. Philippines

* Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

tập trung khai thác tài nguyên và thúc đẩy hạn chế phát thải carbon từ các hoạt động chặt phá rừng và chống suy thoái rừng. Đặc biệt, từ năm 2009, 4 quốc gia: Brunei, Indonesia, Malaysia và Philippines đã đạt được thỏa thuận và cùng nhau khai thác tiềm năng du lịch sinh thái tại đảo Borneo với tên gọi “Trái tim Borneo”.

Thái Lan

Thái Lan đã xây dựng mô hình “du lịch bền vững” dựa trên môi trường tự nhiên trên các đảo, xúc tiến phát triển hệ thống các phương tiện xanh và kết cấu hạ tầng di động thân thiện với môi trường nhằm kết nối các điểm du lịch, bãi biển, cộng đồng. Mục tiêu của Chính phủ là đưa Thái Lan trở thành nền kinh tế phát thải ít carbon thông qua đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo; quy hoạch và sử dụng đất tại đảo dựa trên nền tảng quy hoạch đô thị bền vững.

Ấn Độ

Ấn Độ chủ yếu khai thác các cơ hội của nền kinh tế biển, như: (i) Tập trung khai thác nền kinh tế ven biển (các đảo) và sức mạnh hoạt động kinh tế biển; (ii) Khai thác thủy, hải sản; (iii) Các tuyến đường liên lạc và vận tải của Ấn Độ Dương; (iv) Phát triển bền vững nghề cá, khai thác hợp lý khoáng sản, khai thác năng lượng tái tạo và khuyến khích du lịch ven biển, coi đây là một phương tiện để kích thích tăng trưởng và cải thiện an ninh lương thực và năng lượng, như một nguồn tăng trưởng chung, đổi mới và tạo việc làm (Doyle, 2018).

Nam Phi

Nam Phi là nơi có diện tích biển rộng lớn, nguồn tài nguyên biển dồi dào, cơ sở hạ tầng hàng hải phát triển và nền kinh tế biển đóng góp quan trọng vào GDP của các quốc gia này (Potgieter, 2018). Kinh tế biển tại Nam Phi tập trung vào 4 lĩnh vực chính: vận tải biển và sản xuất tàu biển; thăm dò dầu khí ngoài khơi; nuôi trồng thủy sản; các dịch vụ và quản trị bảo vệ biển và phát triển các cảng nhỏ, ven biển. Do sự giàu có của các biển đại dương và các hoạt động kinh tế gắn liền với biển, an ninh là một lĩnh vực được quan tâm, đặt nhiều trọng tâm vào các khuôn khổ quản trị quốc gia và quốc tế phù hợp để quản lý tài nguyên biển.

Mỹ

Mỹ là quốc gia hàng đầu trên thế giới về đầu tư phát triển nền kinh tế biển bền vững. Bên cạnh đầu tư của Chính phủ, các công ty tư nhân cũng dành một nguồn lực

không nhỏ để phát triển năng lượng tái tạo. Ví dụ như quần đảo Hawaii đã nhận được 142 triệu USD cho các chương trình liên quan đến nền kinh tế biển, trong đó có 6 triệu USD dành cho việc đào tạo nghề. Tại đây, có 47 triệu USD đã được đầu tư cho việc duy trì và tạo việc làm thân thiện với môi trường, như: năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời và năng lượng thủy nhiệt từ biển lạnh ở độ sâu 2.500 m), xây dựng xanh, phát triển nông nghiệp bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và hạn chế ô nhiễm môi trường biển (Kildow và cộng sự, 2016).

BÀI HỌC RÚT RA CHO VIỆT NAM

Việt Nam có đường bờ biển dài hơn 3.260 km trải dài theo hướng Bắc - Nam, cứ 100 km² đất liền có 1 km bờ biển. Các vùng biển, đảo của Việt Nam có nguồn tài nguyên sinh vật và khoáng sản phong phú, đa dạng, bao gồm khoảng 12.000 loài sinh vật sống trong hơn 20 kiểu hệ sinh thái đặc trưng, thuộc 6 vùng đa dạng sinh học biển khác nhau.

Biển Việt Nam được coi là 1 trong 10 trung tâm đa dạng sinh học biển của thế giới. Trong các vùng biển của Việt Nam, có khoảng 35 loại hình khoáng sản với quy mô trữ lượng khai thác khác nhau từ nhỏ đến lớn, thuộc các nhóm: nhiên liệu, kim loại, vật liệu xây dựng, đá quý và khoáng sản lỏng... Tiềm năng dầu khí phân bố trong các bồn trầm tích ở thềm lục địa và khu vực biển Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam rất lớn.

Các vùng biển, đảo Việt Nam còn là nguồn tài nguyên du lịch quan trọng với hơn 120 bãi biển có thể phát triển du lịch, trong đó khoảng 20 bãi có quy mô và tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt Vịnh Hạ Long đã được UNESCO xếp hạng là Di sản thiên nhiên thế giới.

Do đó, kinh tế biển là động lực, tiền đề quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế. Đánh giá được tầm quan trọng của kinh tế biển, suốt 2 thập kỷ qua, kinh tế biển đã được chọn là một trong năm mũi nhọn trọng tâm phát triển nền kinh tế Việt Nam. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong các giai đoạn đều khẳng định cần phát triển mạnh kinh tế biển, song hành với phát triển nhanh một số khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp năng lượng, đóng tàu, xi măng, chế biến thủy sản chất lượng cao... Cùng với đó là đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, tạo thành các trung tâm kinh tế biển mạnh, tạo thế tiến ra biển, gắn với phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có giá trị gia tăng cao, như: dịch vụ xuất - nhập khẩu, du lịch, dịch vụ nghề cá, dịch vụ dầu khí, vận tải...; phát triển cảng biển, dịch vụ cảng và vận tải biển, sông - biển; phát triển các đội tàu, công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển cũng được ưu tiên.

Không thể phủ nhận những giá trị mà các chiến lược phát triển kinh tế biển này mang lại. Nhưng cùng với đó là không ít các vấn đề về tăng trưởng nóng, các dự án thua lỗ, kém hiệu quả, thiếu bền vững. Cụ thể, việc khai thác tiềm năng nguồn lợi thủy sản chưa đạt hiệu quả cao, chưa kiểm soát được hạn mức cấp phép

khai thác hải sản cho từng vùng biển dẫn đến tình trạng khai thác cạn kiệt dần hải sản ở vùng ven bờ. Các hệ sinh thái ven bờ biển (rừng ngập mặn, vùng triều, rạn san hô...) có xu hướng suy giảm nghiêm trọng do tác động của hoạt động kinh tế, xây dựng.

Tình trạng ô nhiễm môi trường nước biển ven bờ, vùng cửa sông, vũng, vịnh do hoạt động kinh tế và đời sống xảy ra ở nhiều nơi chưa giải quyết được. Việc thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng chưa đồng bộ, hiệu quả hạn chế.

Một số ngành kinh tế biển được xác định ưu tiên tạo bước đột phá nhưng phát triển chậm, chưa tương xứng với điều kiện tiềm năng. Kinh tế cảng biển phát triển còn chậm và thiếu hiệu quả. Vận tải biển mức độ hiện đại hóa và sức cạnh tranh thấp, nhất là vận tải viễn dương. Đội tàu biển phần lớn là tàu đã cũ, chủ yếu hoạt động trên các tuyến gần... Nói cách khác, Việt Nam tuy là một quốc gia biển, song đến nay vẫn chưa phải là quốc gia mạnh về biển.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia có thế mạnh về phát triển kinh tế biển, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm áp dụng cho Việt Nam, như sau:

Một là, huy động sự tham gia đầu tư khai thác, quản trị biển của các bên liên quan

Tham gia đầu tư khai thác biển không chỉ cần các cơ quan nhà nước, mà cần có sự tham gia của các công ty tư nhân, cộng đồng. Tuy nhiên, cần tránh xung đột giữa các bên. Đầu tư khai thác kinh tế biển phải hướng tới mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững. Song song với khai thác, tất cả các bên liên quan cũng cần đầu tư cải thiện hệ thống quản trị biển. Quản trị biển để hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế quốc dân và cộng đồng địa phương, trong khi đó vẫn bảo vệ được môi trường và tài nguyên biển cho các thế hệ tương lai.

Hai là, xây dựng, thiết kế và rà soát hệ thống thể chế về khai thác và phát triển kinh tế biển bền vững
Rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật

về biển theo hướng phát triển bền vững, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chuẩn mực luật pháp và điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Tạo hành lang pháp lý thuận lợi để huy động các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển khoa học, công nghệ, nguồn nhân lực và chuyển giao tri thức về biển.

Ba là, thúc đẩy khả năng khai thác và tiếp cận thị trường thủy sản bền vững

Dựa trên nhu cầu thị trường đối với sản phẩm thủy sản bền vững có thể tạo động lực khuyến khích các công ty, hộ gia đình nuôi và khai thác đánh bắt thủy sản tốt và thúc đẩy những cơ hội đầu tư mới liên quan đến quản lý nghề nuôi trồng thủy sản bền vững. Tận dụng cơ hội và khai thác nhu cầu thị trường để có thể cơ cấu lại một số ngành nghề nuôi trồng thủy sản theo xu thế mới. Khai thác và tận dụng thị trường tốt cũng giúp giảm thiểu rủi ro trong đầu tư vào các ngành nghề nuôi trồng thủy sản.

Bốn là, đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển

Giáo dục và đào tạo để nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng, tránh thiên tai cho học sinh, sinh viên trong tất cả bậc học, cấp học. Phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao; cần đưa ra các chính sách thu hút nhân tài, từng bước hình thành đội ngũ các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia đạt trình độ quốc tế, có chuyên môn sâu về biển và đại dương...□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam - Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022). Báo cáo "Kinh tế biển xanh Việt Nam - Cơ hội và thách thức"
2. Ngân hàng Thế giới (2016). Phát triển kinh tế biển xanh: Phát triển kinh tế biển xanh để hướng tới giảm nghèo và phát triển thịnh vượng
3. Doyle, T. (2018). Blue economy and the Indian Ocean rim, *Journal of the Indian Ocean Region*, 14(1), 1-6
4. Kildow et al. (2016). *State of the US Ocean and Coastal Economies: 2016 Update*, National Ocean Economics Program
5. Potgieter, T. (2018). Oceans economy, blue economy, and security: Notes on the South African potential and developments, *Journal of the Indian Ocean Region*, 14(1), 49-70
6. Recide, R. 2015. *Ocean in the National Income Accounts: Philippines*, Powerpoint presentation for the East Asian Seas Congress 2015
7. Wenhai et al. (2019). Successful Blue economy examples with an Emphasis on International Perspectives, *Frontier in Marine Science*, 6, 1-14
8. Zhang et al. (2016). A comparison of marine economy and marine industrial structure between China and the US: A pragmatic study based on the fact that China surpassed the US in marine economic output, *Scientia Geographica Sinica*, 11, 1614-1621